TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/KDTM-ST
Ngày: 28/01/2022
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lai Ngọc Trí**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Võ Hoàng Vũ**

2. Bà **Hồ Thị Kim Luyến**

- ***Thư ký phiên tòa***: bà **Trần Thùy My** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Bích Trâm** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLST - KDTM ngày 01 tháng 02 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 812/2021/QĐST – KDTM ngày 17 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* **Công ty Cổ phần xây dựng Ph.**

Địa chỉ trụ sở: đường P, khóm 3, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền ông **Từ Duy Th.** – Văn bản ủy quyền ngày 13/02/2020.

Địa chỉ: đường P, khóm 3, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. *(có yêu cầu giải quyết vắng mặt).*

* *Bị đơn:* **Công ty TNHH H.**

Địa chỉ trụ sở: Số 71/66B, Quang Trung, khu vực 2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: ông **Nguyễn Ngọc V.** - Giám Đốc *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 02 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ kiện người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Từ Duy Th. trình bày:*

Vào ngày 20/3/2017 Công ty Cổ phần Xây dựng Ph. (sau đây gọi tắt là Công ty Ph.) có ký hợp đồng cung cấp bê tông số 12/2017/HĐMB/PT-HBN (gọi tắt là hợp đồng số 12) với Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên H. nay là Công ty trách nhiệm hữu hạn H. (gọi tắt là Công ty H.). Tại hợp đồng số 12, các bên thỏa thuận giao kết các điều khoản chủng loại, khối lượng, đơn giá và thời gian cung cấp, tổng giá trị hợp đồng và tổng khối lượng được thực hiện bằng biên bản xác nhận khối lượng thực tế, phương thức thanh toán thanh toán và các giao kết khác. Từ ngày ký kết hợp đồng 20/3/2017 đến ngày 30/4/2019 Công ty Ph. đã thực hiện việc cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty H. với tổng số tiền mà Công ty H. phải thanh toán cho Công ty Ph. là 2.789.612.500 đồng (hai tỷ bảy trăm tám mươi chín triệu sáu trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).

Tính đến ngày 13/9/2019 Công ty H. chỉ mới thanh toán cho Công ty Ph. với số tiền 1.961.665.000 đồng (một tỷ chín trăm sáu mươi một triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) và còn nợ lại số tiền 827.947.500 đồng (tám trăm hai mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi bảy ngàn năm trăm đồng). Công ty Ph. đã nhiều lần yêu cầu nhưng đến nay Công ty H. vẫn không thanh toán số tiền còn nợ.

Vì vậy, Công ty Ph. yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn H. thanh toán cho Công ty Cổ phần Xây dựng Ph. số tiền 827.947.500 đồng (theo hợp đồng số 12, và lãi suất do chậm thanh toán tính đến khi xét xử sơ thẩm, tạm tính từ ngày 15/6/2019 đến ngày 15/12/2021 là 29 tháng: (827.947.500 đồng x (0,75%/tháng) x 29 tháng = 180.078.500 đồng. Tổng số tiền Công ty trách nhiệm hữu hạn H. phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Xây dựng Ph. tạm tính đến ngày 15/12/2021 là 1.008.026.000 đồng, trong đó: Nợ gốc 827.947.500 đồng và lãi suất 180.078.500 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Việc thụ lý của Toà án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách các đương sự, điều tra thu thập chứng cứ đầy đủ, gửi các văn bản tố tụng và

hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng hạn. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định về sự có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Đối với bị đơn vắng mặt các lần hòa giải, xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trên cơ sở xem xét chứng cứ và trình bày của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn số tiền 827.947.500 đồng và lãi suất 0.75%/tháng từ ngày 30/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Vụ án không hòa giải được do bị đơn vắng mặt tại các lần hòa giải. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt và bị đơn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện thể hiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán bê tông nên xác định đây là quan hệ "*Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa*" được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ theo hợp đồng bị đơn có trụ sở tại quận Ninh Kiều nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Công ty TNHH H. được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Đối với yêu cầu trả số tiền 827.947.500 đồng theo hợp đông mua bán. Xét thấy, tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/6/2019 (bút lục 43) Công ty TNHH MTV H. thừa nhận còn nợ Công ty cổ phần xây dựng Ph. số tiền là 1.207.947.500 đồng theo các hợp đồng mua bán bê tông đã ký. Đến ngày 13/9/2019 Công ty H. tiếp tục thanh toán cho Công ty Ph. 200.000.000 đồng (bút lục 31), như vậy số tiền còn nợ là 827.947.500 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

- Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán tính đến khi xét xử sơ thẩm, tạm tính từ ngày 15/6/2019 đến xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,75%/tháng (tương đương 9%/năm). Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng được ký kết giữa các bên không có điều khoản quy định về tính lãi chậm trả do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tuy nhiên căn cứ quy định Điều 306 Luật thương mại năm 2005 *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả…"*. Do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký nên phải trả lãi chậm trả là phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Ngân hàng nhà nước về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản chỉ 9%năm, tương đương 0,75%/tháng, mức lãi suất này là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và có lợi cho bị đơn nên có cơ sở chấp nhận.

Về thời điểm tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán từ ngày 15/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm. Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ là ngày 30/6/2019 do các bên xác nhận thì số nợ Công ty H. còn nợ Công ty Ph. tính chỉ đến ngày 30/6/2019, vì vậy thời điểm phát sinh yêu cầu tính lãi chậm trả được bắt đầu từ ngày 30/6/2019. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 15/6/2019 là chưa phù hợp.

Số tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 30/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/01/2022 là (30 tháng 29 ngày ngày x 0,75%/tháng) x 827.947.500 đồng = 192.290.806 đồng.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 50, 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH K14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần xây dựng Ph..

Buộc bị đơn Công ty TNHH H. phải trả cho nguyên đơn Công ty Cổ phần xây dựng Ph. tổng số tiền là: 1.020.238.306 đồng. Trong đó nợ gốc là 827.947.500 đồng và nợ lãi chậm thanh toán là 192.290.806 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 44.809.532 đồng. Nguyên đơn được nhận lại 20.003.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 003502 ngày 30/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND Q. Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lai Ngọc Trí